

NGÂN HÀNG CÂU HỎI ÔN THI

HỌC PHẦN: KINH TẾ VĨ MÔ I

(MACROECONOMICS I)

I. Nhóm Câu Hỏi 1: Câu Hỏi Đúng/Sai

Chương 1: Khái quát về Kinh tế vĩ mô

1. Khi chính phủ giảm thuế sẽ làm đường tổng cầu dịch chuyển sang trái (*các yếu tố khác không đổi*)
2. Khi giá cả của các yếu tố đầu vào giảm đường tổng cầu sẽ dịch chuyển sang phải (*các yếu tố khác không đổi*)
3. Mức giá chung thay đổi sẽ dẫn đến hiện tượng di chuyển dọc trên đường tổng cung (*các yếu tố khác không đổi*)
4. Thu nhập quốc dân thay đổi sẽ làm đường tổng cầu dịch chuyển sang vị trí khác (*các yếu tố khác không đổi*)
5. Năng lực sản xuất của quốc gia thay đổi sẽ làm đường tổng cung dịch chuyển sang trái (*các yếu tố khác không đổi*)
6. Giảm chi tiêu cho quốc phòng sẽ làm đường tổng cung sẽ dịch chuyển sang phải (*các yếu tố khác không đổi*)
7. Khi giá cả của các yếu tố đầu vào tăng đường tổng cung sẽ dịch chuyển sang trái (*các yếu tố khác không đổi*)
8. Tăng trưởng và lạm phát luôn có mối quan hệ ngược chiều.
9. Tăng trưởng và thất nghiệp luôn có mối quan hệ cùng chiều.

Chương 2: Đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản

10. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và chỉ số điều chỉnh GDP (D_{GDP}) là giống nhau
11. Muốn so sánh mức sản lượng của một quốc gia giữa hai năm khác nhau người ta thường dùng chỉ tiêu GNP hoặc GDP danh nghĩa.
12. Chỉ số giá tiêu dùng là chỉ tiêu được tính dựa vào giá cả của hàng hóa và dịch vụ được sản xuất ra trong nền kinh tế, không bao gồm giá cả của hàng hóa nhập khẩu.
13. GDP/GNP là những chỉ tiêu tốt, hoàn hảo để đánh giá thành tựu kinh tế của một quốc gia.

Chương 3: Tổng cầu và chính sách tài khóa

14. Trong nền kinh tế đóng, trường hợp chính phủ đánh thuế tự định, khi chính phủ tăng chi tiêu thêm 4000 tỷ đồng, đồng thời chính phủ cũng tăng thuế tự định thêm 4000 tỷ đồng sẽ làm cho sản lượng cân bằng tăng 8000 tỷ đồng.
15. Khi chính phủ tăng thuế sẽ có thể làm cho tổng cầu và sản lượng cân bằng tăng.

16. Cân bằng mọi cách giảm bớt thâm hụt ngân sách, đặc biệt là khi nền kinh tế đang trên đà suy thoái.
17. Độ dốc của đường tổng cầu phụ thuộc vào xu hướng tiêu dùng biên, xu hướng nhập khẩu biên.
18. Trong nền kinh tế giản đơn, khi thu nhập bao nhiêu cũng tiêu dùng hết thì đường tiêu dùng sẽ trùng với đường tiết kiệm.
19. Khi tiêu dùng tự định tăng sẽ làm cho đường tổng cầu thay đổi độ dốc và sản lượng cân bằng không đổi.
20. Khi chính phủ giảm tỷ suất thuế ròng tăng sẽ làm cho đường tổng cầu thay đổi độ dốc và sản lượng cân bằng tăng.
21. Trong nền kinh tế đóng, sự gia tăng của tiêu dùng tự định sẽ làm tổng cầu tăng nhưng không làm thay đổi sản lượng cân bằng.
22. Tăng thu và giảm chi là biện pháp duy nhất để chống thâm hụt ngân sách.
23. Các biện pháp chống thâm hụt ngân sách chắc chắn gây ra lạm phát.
24. Khi chính phủ tăng thuế làm cho tổng cầu giảm và sản lượng cân bằng tăng.
25. Nếu xu hướng tiêu dùng cận biên tăng sẽ làm đường tổng cầu trở nên dốc hơn và sản lượng cân bằng tăng.
26. Khi xu hướng nhập khẩu cận biên tăng lên thì sẽ làm cho tổng cầu trở nên thoải hơn và sản lượng cân bằng giảm.
27. Khi nền kinh tế tăng trưởng nóng, để kiềm chế lạm phát, chính phủ có thể sử dụng chính sách tài khóa thắt chặt.
28. Khi nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái, thất nghiệp gia tăng, chính phủ có thể sử dụng chính sách tài khóa mở rộng.
29. Hiện tượng tháo lui đầu tư thường đi cùng với thâm hụt ngân sách chu kỳ.
30. Việc thực hiện chính sách tài khóa cùng chiều hoặc ngược chiều với chu kỳ kinh doanh phụ thuộc vào mục tiêu của dân chúng.

Chương 4: Tiền tệ và chính sách tiền tệ

31. Khi ngân hàng thương mại tăng tỷ lệ dự trữ sẽ làm giảm số nhân tiền, do vậy mức cung tiền giảm.
32. Nếu NHTW mua trái phiếu trên thị trường mở thì lãi suất và sản lượng cân bằng trong nền kinh tế có xu hướng giảm.
33. Mức cung tiền danh nghĩa chỉ phụ thuộc vào lượng tiền cơ sở và tỷ lệ dự trữ bắt buộc.
34. Khi NHTW hạ lãi suất chiết khấu sẽ làm tăng sản lượng và việc làm trong nền kinh tế.
35. Khi NHTƯ bán trái phiếu trên thị trường mở sẽ làm tăng lãi suất trong nền kinh tế và do đó sản lượng cân bằng sẽ giảm.
36. Khi nền kinh tế tăng trưởng quá nóng, để kiềm chế lạm phát, chính phủ có thể sử dụng chính sách tiền tệ thắt chặt.
37. Khi cầu tiền quá nhạy cảm với thu nhập sẽ khiến đồ thị cầu tiền thay đổi độ dốc.
38. Khi cầu tiền kém nhạy cảm với lãi suất sẽ khiến cầu tiền dịch chuyển song song sang trái.

- 39. Khi nền kinh tế có tăng trưởng, cầu tiền dịch chuyển song song sang phải khiến cho lãi suất cân bằng tăng.
- 40. Số nhân tiền chỉ liên quan đến hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại.

Chương 5: Mô hình IS-LM và sự phối hợp các chính sách kinh tế vĩ mô

- 41. Khi nền kinh tế tăng trưởng nóng, lạm phát sẽ tăng nhanh, để kiềm chế lạm phát, chính phủ có thể sử dụng chính sách tài khóa thắt chặt kết hợp với chính sách tiền tệ mở rộng.
- 42. Khi chi tiêu chính phủ tăng sẽ làm dịch chuyển đường IS sang phải, sản lượng cân bằng tăng.
- 43. Khi nền kinh tế suy thoái chính phủ dùng chính sách tài khóa nới lỏng kết hợp với chính sách tiền tệ chặt sẽ thúc đẩy tăng trưởng sản lượng.
- 44. Nếu MPC tăng lên thì đường IS sẽ dịch chuyển song song sang phải.
- 45. Nếu cầu tiền rất nhạy cảm với thu nhập thì đường LM sẽ dịch chuyển song song sang trái.
- 46. Chính phủ tăng tỷ suất thuế ròng (t) là nguyên nhân làm cho đường IS sẽ dịch chuyển song song sang trái.
- 47. Khi cán cân thương mại bị thâm hụt đường IS sẽ dịch chuyển sang phải và lãi suất tăng.
- 48. Chi tiêu của chính phủ và thuế tăng cùng một lượng như nhau sẽ làm cho đường IS dịch chuyển sang trái, lãi suất và sản lượng cân bằng giảm.
- 49. Lạm phát tăng khiến cho đường LM dịch chuyển sang trái, lãi suất cân bằng giảm.
- 50. Khi đầu tư kém nhạy cảm với lãi suất đường IS trở nên dốc hơn.
- 51. Khi NHTU' tăng cung tiền sẽ làm cho đường LM dịch chuyển sang phải và sản lượng cân bằng tăng.
- 52. Mức cung tiền danh nghĩa tăng nhanh hơn mức tăng giá cả làm cho đường LM dịch chuyển sang phải và lãi suất cân bằng giảm.

Chương 6: Lạm phát và thất nghiệp

- 53. Lạm phát cầu kéo là lạm phát xảy ra do giá của các yếu tố đầu vào tăng nhanh.
- 54. Tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ lạm phát luôn có mối quan hệ ngược chiều với nhau.
- 55. Mô hình Phipplip thể hiện sự đánh đổi giữa lạm phát và thất nghiệp trong mọi trường hợp.
- 56. Lạm phát cầu kéo xảy ra khi giá của tất cả các yếu tố đầu vào tăng nhanh.
- 57. Người thất nghiệp là những người không có việc làm.
- 58. Tỷ lệ thất nghiệp bằng số người thất nghiệp chia cho dân số quốc gia.
- 59. Khi thấy giá nhà đất và giá thịt lợn tăng cao chúng ta có thể kết luận rằng nền kinh tế đang bị lạm phát.
- 60. Tiền tệ mất giá là nguyên nhân duy nhất sinh ra lạm phát.
- 61. Lạm phát gây ra tác động hoàn toàn tiêu cực với nền kinh tế.
- 62. Thất nghiệp nguyện là thất nghiệp tự nhiên.
- 63. Thất nghiệp do tính “cứng” của tiền lương là thất nghiệp không tự nguyện.

Chương 7: Kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở

- 64. Cán cân thanh toán quốc tế chỉ tổng hợp hai hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu của 1 quốc gia.

65. Khi nhập khẩu của một nước tăng thì tỷ giá hối đoái của đồng nội tệ so với đồng ngoại tệ sẽ giảm.
66. Khi xuất khẩu của một nước giảm xuống làm tỷ giá hối đoái của đồng nội tệ so với đồng ngoại tệ tăng.
67. Nhu cầu dự trữ và đầu cơ ngoại tệ là nhân tố duy nhất ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái.
68. Đồng nội tệ tăng giá sẽ khuyến khích hoạt động nhập khẩu của quốc gia (giả định các yếu tố khác không đổi).
69. Khi đầu tư nước ngoài vào quốc gia tăng thì tỷ giá hối đoái của đồng nội tệ so với đồng ngoại tệ sẽ giảm
70. Khi một nước nhận được nhiều kiều hối gửi về thì giá của nội tệ sẽ tăng so với ngoại tệ vì vậy sẽ khuyến khích nhập khẩu?

II. Nhóm Câu Hỏi 2: Câu Hỏi Phân Tích, Bình Luận

Chương 1: Khái quát về Kinh tế vĩ mô

1. Phân tích các biến động kinh tế vĩ mô trên mô hình AD-AS khi tổng cầu tăng? (Phân tích sự thay đổi về sản lượng, mức giá chung)?
2. Phân tích các biến động kinh tế vĩ mô trên mô hình AD-AS khi tổng cầu giảm? (Phân tích sự thay đổi về sản lượng, mức giá chung)?
3. Phân tích các biến động kinh tế vĩ mô trên mô hình AD-AS khi tổng cung tăng? (Phân tích sự thay đổi về sản lượng, mức giá chung)?
4. Phân tích các biến động kinh tế vĩ mô trên mô hình AD-AS khi tổng cung giảm? (Phân tích sự thay đổi về sản lượng, mức giá chung)?
5. Phân tích các biến động kinh tế vĩ mô trên mô hình AD-AS khi tổng cầu và tổng cung ngắn hạn tăng? (Phân tích sự thay đổi về sản lượng, mức giá chung)?
6. Phân tích các biến động kinh tế vĩ mô trên mô hình AD-AS khi tổng cầu và tổng cung ngắn hạn giảm? (Phân tích sự thay đổi về sản lượng, mức giá chung)?
7. Phân tích các biến động kinh tế vĩ mô trên mô hình AD-AS khi tổng cầu giảm và tổng cung ngắn hạn tăng? (Phân tích sự thay đổi về sản lượng, mức giá chung)?
8. Phân tích các biến động kinh tế vĩ mô trên mô hình AD-AS khi tổng cầu tăng và tổng cung ngắn hạn giảm? (Phân tích sự thay đổi về sản lượng, mức giá chung)?

Chương 2: Đo lường các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản

9. Phân tích ý nghĩa của đồng nhất thức kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế giản đơn?
10. Phân tích ý nghĩa của đồng nhất thức kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế đóng?
11. Phân tích ý nghĩa của đồng nhất thức kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở?

Chương 3: Tổng cầu và chính sách tài khóa

12. Phân tích các yếu tố tác động đến độ dốc đường tổng cầu trong nền kinh tế giản đơn? Sự thay đổi độ dốc ảnh hưởng đến sản lượng (thu nhập) như thế nào?
13. Phân tích các yếu tố tác động đến độ dốc đường tổng cầu trong nền kinh tế đóng? Sự thay đổi độ dốc ảnh hưởng đến sản lượng (thu nhập) như thế nào?

14. Phân tích các yếu tố tác động đến độ dốc đường tổng cầu trong nền kinh tế mở? Sự thay đổi độ dốc ảnh hưởng đến sản lượng (thu nhập) như thế nào?
15. Trình bày công thức xác định, nêu ý nghĩa, tính chất và phân tích các yếu tố tác động đến số nhân chi tiêu?
16. Trình bày công thức xác định, nêu ý nghĩa, tính chất và phân tích các yếu tố tác động đến số nhân chi tiêu số nhân thuế?
17. Trình bày công thức xác định, nêu ý nghĩa, tính chất và phân tích các yếu tố tác động đến số nhân chi tiêu số nhân ngân sách cân bằng?
18. Phân tích tác động của chính sách tài khóa mở rộng đến tổng cầu và sản lượng cân bằng trên mô hình AD-Y? *(trong cả hai tình huống thuế tự định và thuế phụ thuộc vào thu nhập)*
19. Phân tích tác động của chính sách tài khóa thắt chặt đến tổng cầu và sản lượng cân bằng trên mô hình AD-Y? *(trong cả hai tình huống thuế tự định và thuế phụ thuộc vào thu nhập)*
20. Phân tích tác động của chính sách tài khóa mở rộng đến mục tiêu kinh tế vĩ mô trên mô hình AD-AS.
21. Phân tích tác động của chính sách tài khóa thắt chặt đến mục tiêu kinh tế vĩ mô trên mô hình AD-AS.
22. Phân tích và nêu ý nghĩa của cơ chế thoái lui đầu tư? Cơ chế thoái lui đầu tư thường đi kèm với thâm hụt ngân sách nào?
23. Trình bày khái niệm ngân sách nhà nước? Các trạng thái của ngân sách? Các loại thâm hụt ngân sách? Các biện pháp tài trợ thâm hụt ngân sách mà chính phủ Việt Nam sử dụng trong thời gian qua?

Chương 4: Tiền tệ và chính sách tiền tệ

24. Trình bày khái niệm và quá trình tạo tiền của NHTM? Phân tích các yếu tố tác động đến mức cung tiền? Các công cụ kiểm soát cung ứng tiền tệ của NHTW
25. Trình bày khái niệm, công thức xác định, ý nghĩa của số nhân tiền tệ? Các yếu tố tác động đến số nhân tiền tệ?
26. Trình bày khái niệm, phương trình (hàm) cầu tiền và đồ thị hàm cầu tiền? Độ dốc của đường cầu tiền? Phân tích các yếu tố tác động đến cầu tiền? Phân tích sự di chuyển dọc và dịch chuyển của đường cầu tiền?
27. Phân tích trạng thái cân bằng của thị trường tiền tệ? Các yếu tố làm thay đổi trạng thái cân bằng của thị trường tiền tệ?
28. Phân tích sự thay đổi của cung tiền đến lãi suất cân bằng trên thị trường tiền tệ trên mô hình LP-MS.
29. Phân tích sự thay đổi của cầu tiền đến lãi suất cân bằng trên thị trường tiền tệ trên mô hình LP-MS.
30. Phân tích sự thay đổi của cung tiền, cầu tiền đến lãi suất cân bằng trên thị trường tiền tệ trên mô hình LP-MS.
31. Phân tích tác động của chính sách tiền tệ mở rộng đến sản lượng, việc làm trong nền kinh tế?
32. Phân tích tác động của chính sách tiền tệ thắt chặt đến sản lượng, việc làm trong nền kinh tế?

Chương 5: Mô hình IS-LM và sự phối hợp các chính sách kinh tế vĩ mô

33. Trình bày ý nghĩa của đường IS? Phân tích các yếu tố tác động làm dịch chuyển đường IS? Phân tích các yếu tố làm thay đổi độ dốc của đường IS? Sự thay đổi vị trí hoặc độ dốc của đường IS tác động đến lãi suất và thu nhập cân bằng như thế nào?
34. Trình bày ý nghĩa của đường LM? Phân tích các yếu tố tác động làm dịch chuyển đường LM? Phân tích các yếu tố làm thay đổi độ dốc của đường LM? Sự thay đổi vị trí hoặc độ dốc của đường LM tác động đến lãi suất và thu nhập cân bằng như thế nào?
35. Phân tích tác động của chính sách tài khóa mở rộng trên mô hình IS-LM?
36. Phân tích tác động của chính sách tài khóa thắt chặt trên mô hình IS-LM?
37. Phân tích tác động của chính sách tiền tệ mở rộng trên mô hình IS-LM?
38. Phân tích tác động của chính sách tiền tệ thắt chặt trên mô hình IS-LM?
39. Phân tích tác động của sự phối hợp chính sách tài khóa mở rộng và chính sách tiền tệ mở rộng trên mô hình IS-LM.
40. Phân tích tác động của sự phối hợp chính sách tài khóa thắt chặt và chính sách tiền tệ thắt chặt trên mô hình IS-LM.
41. Phân tích tác động của sự phối hợp chính sách tài khóa mở rộng và chính sách tiền tệ thắt chặt trên mô hình IS-LM.
42. Phân tích tác động của sự phối hợp chính sách tài khóa thắt chặt và chính sách tiền tệ mở rộng trên mô hình IS-LM.

Chương 6: Lạm phát và thất nghiệp

43. Phân tích các nguyên nhân và biện pháp kiểm soát lạm phát cầu kéo?
44. Phân tích các nguyên nhân và biện pháp kiểm soát lạm phát chi phí đẩy?
45. Phân tích tác động của lạm phát? Các biện pháp kiềm chế lạm phát? Liên hệ với Việt Nam.
46. Giải thích nguyên nhân của thất nghiệp theo quan điểm của trường phái cổ điển?
47. Giải thích nguyên nhân của thất nghiệp theo quan điểm của trường phái Keynes?
48. Phân tích tác động của thất nghiệp? Các biện pháp giảm thất nghiệp? Liên hệ với Việt Nam.
49. Phương trình, đồ thị và ý nghĩa của đường Phillips? Mọi quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp trên mô hình Phillips trong ngắn hạn.
50. Phương trình, đồ thị và ý nghĩa của đường Phillips? Mọi quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp trên mô hình Phillips trong dài hạn.

Chương 7: Kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở

51. Phân tích tác động của chính sách tài khóa mở rộng/thắt chặt trong nền kinh tế mở, nước nhỏ, tư bản vận động tự do trong trường hợp: cơ chế tỷ giá hối đoái cố định? (Sử dụng mô hình IS-LM-BP)
52. Phân tích tác động của chính sách tài khóa mở rộng/thắt chặt trong nền kinh tế mở, nước nhỏ, tư bản vận động tự do trong trường hợp: cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi? (Sử dụng mô hình IS-LM-BP)

53. Phân tích tác động của chính sách tiền tệ mở rộng/thắt chặt trong nền kinh tế mở, nước nhỏ, tư bản vận động tự do trong trường hợp: cơ chế tỷ giá hối đoái cố định? (Sử dụng mô hình IS-LM-BP)
54. Phân tích tác động của chính sách tiền tệ mở rộng/thắt chặt trong nền kinh tế mở, nước nhỏ, tư bản vận động tự do trong trường hợp: cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi? (Sử dụng mô hình IS-LM-BP)
55. Phân tích và so sánh tác động của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ trong nền kinh tế mở, nước nhỏ, tư bản vận động tự do trong trường hợp: cơ chế tỷ giá hối đoái cố định? (Sử dụng mô hình IS-LM-BP)
56. Phân tích và so sánh tác động của chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ trong nền kinh tế mở, nước nhỏ, tư bản vận động tự do trong trường hợp: cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi? (Sử dụng mô hình IS-LM-BP)
57. Phân tích và so sánh tác động của chính sách tài khóa trong nền kinh tế mở, nước nhỏ, tư bản vận động tự do dưới cơ chế tỷ giá hối đoái cố định và cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi? (Sử dụng mô hình IS-LM-BP)
58. Phân tích và so sánh tác động của chính sách tiền tệ trong nền kinh tế mở, nước nhỏ, tư bản vận động tự do dưới cơ chế tỷ giá hối đoái cố định và cơ chế tỷ giá hối đoái thả nổi? (Sử dụng mô hình IS-LM-BP)

III. Nhóm Câu Hỏi 3: Bài Tập Áp Dụng

1. Dạng bài tập chương 2:

Ví dụ 1: Giả sử có số liệu của một nền kinh tế như sau:

$$GDP = 4000; C = 2810; G = 450; NX = 190$$

- a. Đầu tư là bao nhiêu?
- b. Giả sử nền kinh tế này có mức xuất khẩu là 320, hãy tính mức nhập khẩu?
- c. Giả sử bây giờ đầu tư ròng là 420, nếu biết khẩu hao là 280 thì GDP sẽ là bao nhiêu? Hãy cho biết GDP vừa tính được là tính bằng phương pháp nào? Trong GDP đó đã có thuế gián thu chưa? Tại sao?

Ví dụ 2: Cho số liệu sau đây về quốc gia X. Năm 2002 là năm cơ sở.

Chỉ tiêu	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004
GDP danh nghĩa (triệu USD)	9000	13500	16000
Chỉ số điều chỉnh GDP	100	135	150
Dân số (triệu người)	1,3	1,5	1,6

- a. Tính GDP thực tế của các năm 2002, 2003 và 2004.
- b. Tính GDP danh nghĩa bình quân đầu người của các năm 2002, 2003 và 2004. Nhận xét về sự thay đổi mức sống trung bình qua các năm.
- c. Tính tốc độ tăng trưởng kinh tế của các năm 2003 và 2004.
- d. Tính tỷ lệ lạm phát theo chỉ số điều chỉnh GDP cho năm 2003 và 2004.

- e. Vào tháng 7/2014, dân số của quốc gia X là 58 triệu người. Số người trưởng thành có việc làm là 25 triệu người. Số người thất nghiệp là 2,7 triệu người. Số người trưởng thành không nằm trong lực lượng lao động là 1,5 triệu người. Tính tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của quốc gia X?

Ví dụ 3: Dưới đây là thông tin về nền kinh tế giả định chỉ sản xuất 3 sản phẩm là xe máy, ô tô và gạo. Năm cơ sở là năm 2010 (*trđ: triệu đồng*).

Năm	Xe máy		Ô tô		Gạo	
	Giá (trđ/xe)	Lượng (xe)	Giá (trđ/xe)	Lượng (xe)	Giá (trđ/tấn)	Lượng (tấn)
2010	10	1600	200	400	20	1300
2011	13	1800	250	600	24	1800
2012	15	2000	260	650	28	2000

- Tính GDP thực tế trong năm 2010, 2011 và 2012
- Tính GDP danh nghĩa trong năm 2010, 2011 và 2012
- Tính chỉ số điều chỉnh GDP cho năm 2010, 2011 và 2012
- Tính tỷ lệ lạm phát theo chỉ số điều chỉnh GDP cho năm 2011, 2012
- Tính tốc độ tăng trưởng kinh tế cho năm 2011 và 2012

2. Dạng bài tập chương 3

Ví dụ 4: Cho hàm tiết kiệm $S = -30 + 0,4Y_D$, đầu tư $I = 50$.

- Tính sản lượng cân bằng tiêu dùng (sản lượng vừa đủ)
- Tính sản lượng cân bằng của nền kinh tế?
- Giả sử bây giờ đầu tư tăng thêm 20 thì sản lượng cân bằng và tiêu dùng tăng thêm bao nhiêu.
- Dùng đồ thị tổng cầu trong nền kinh tế giản đơn để minh họa sự thay đổi của tổng cầu (do tác động của sự gia tăng đầu tư) và do đó làm thay đổi sản lượng cân bằng.

Ví dụ 5: Giả sử có số liệu của một nền kinh tế giản đơn như sau:

$$C = 340 + 0,8Y; \quad \text{Đầu tư tư nhân } I = 820$$

- Tính sản lượng cân bằng của nền kinh tế và vẽ đồ thị đường tổng cầu.
- Mức tiêu dùng và tiết kiệm khi nền kinh tế cân bằng là bao nhiêu?
- Giả sử đầu tư tăng thêm một lượng là 90 khi đó sản lượng cân bằng và mức tiêu dùng của dân cư thay đổi như thế nào?
- Với C và I không đổi, nếu mức sản lượng thực tế là 6000 thì có hiện tượng ngoài dự kiến nào sẽ xảy ra? Mức cụ thể là bao nhiêu?

Ví dụ 6: Có số liệu giả định về một nền kinh tế đóng như sau:

- Đầu tư tự định bằng 450
- Chi tiêu cho tiêu dùng bằng 80% thu nhập khả dụng.
- Chi tiêu của Chính phủ bằng 250.

- Thuế trực thu bằng 10% thu nhập

Yêu cầu:

- Xác định mức thu nhập cân bằng của nền kinh tế.
- Tính lượng chi tiêu cho tiêu dùng, mức thâm hụt (thặng dư) ngân sách chính phủ.
- Giả sử chi tiêu chính phủ tăng thêm 500 và thuế suất tăng từ 10% lên 25%. Hãy cho biết, trước khi sản lượng có thời gian điều chỉnh thì thu nhập khả dụng giảm bao nhiêu?
- Tính kết quả thay đổi trong chi tiêu cho tiêu dùng và tổng cầu?

Ví dụ 7: Cho các số liệu của một nền kinh tế đóng sau:

$$C = 100 + 0,8Y_D; \quad I = 450; \quad G = 600; \quad T = 15 + 0,25Y$$

- Tính mức thu nhập cân bằng của nền kinh tế và chi tiêu cho tiêu dùng của dân cư.
- Khi thu nhập cân bằng thì ngân sách của chính phủ như thế nào?
- Số nhân của nền kinh tế này là bao nhiêu? So sánh với số nhân của nền kinh tế giản đơn (giả sử nền kinh tế giản đơn có hàm tiêu dùng $C = 100 + 0,8Y$) và giải thích kết quả.

Ví dụ 8: Giả sử có số liệu về một nền kinh tế mở như sau, giả sử các yếu tố khác là không đổi:

$$MPC = 0,65; \quad t = 0,24; \quad MPM = 0,18$$

- Tính số nhân của nền kinh tế mở đã cho.
- Nếu đầu tư tăng thêm 90 thì sản lượng cân bằng và xuất khẩu ròng thay đổi thế nào?
- Giả sử xuất khẩu tăng thêm 90, các chỉ tiêu khác không đổi thì sản lượng cân bằng và xuất khẩu ròng thay đổi như thế nào, so sánh với kết quả tính được ở câu trên.

Ví dụ 9: Cho số liệu của một nền kinh tế mở như sau, giả sử các yếu tố khác là không đổi:

$$C = 80 + 0,75Y_D; \quad I = 400; \quad G = 430; \\ X = 100; \quad IM = 10 + 0,1Y; \quad T = 10 + 0,2Y$$

- Viết phương trình và vẽ đồ thị đường tổng cầu của nền kinh tế này.
- Tính sản lượng cân bằng của nền kinh tế và xác định ngân sách chính phủ?
- Giả sử bây giờ có $G = 405$ thì sản lượng cân bằng và ngân sách của chính phủ thay đổi như thế nào?

Ví dụ 10: Trong một nền kinh tế mở có số liệu như sau, giả sử các yếu tố khác là không đổi giả sử các yếu tố khác là không đổi:

$$C = 30 + 0,8Y_D; \quad I = 180; \quad X = 170; \quad T = 0,2Y; \quad IM = 20 + 0,2Y.$$

Mức sản lượng tiềm năng $Y^* = 1000$.

- Hãy tính mức sản lượng cân bằng đảm bảo ngân sách cân bằng. Hãy bình luận về trạng thái cân bằng của ngân sách.
- Giả sử bây giờ chi tiêu chính phủ là $G = 230$, cho biết mức sản lượng cân bằng và ngân sách của Chính phủ. Hãy bình luận về chính sách tài khóa trong trường hợp này.
- Trong mỗi trường hợp trên, hãy xác định cán cân thương mại của nền kinh tế.

3. Dạng bài tập chương 4

Ví dụ 11: Giả sử có số liệu của thị trường tiền tệ như sau, giả sử các yếu tố khác là không đổi:
(Lãi suất tính bằng %, các chỉ tiêu khác tính bằng tỷ USD)

Hàm cầu tiền thực tế: $LP = 2700 - 250r$, mức cung tiền thực tế $M_1 = 1750$.

- Tính mức lãi suất cân bằng và vẽ đồ thị của thị trường tiền tệ.
- Nếu mức cung tiền thực tế bây giờ là $M_1 = 1850$ thì lãi suất cân bằng mới là bao nhiêu? Đầu tư sẽ thay đổi như thế nào?
- Nếu NHTW muốn duy trì mức lãi suất là $r = 4,5\%$ thì cần có mức cung tiền là bao nhiêu? Vẽ đồ thị minh họa

Ví dụ 12: Giả sử có số liệu của một thị trường tiền tệ như sau, giả sử các yếu tố khác là không đổi:

Hàm cầu tiền thực tế là $LP = kY - hr$ (trong đó: $k = 0,2$; $Y = 2500$ tỷ USD; $h = 10$).

Mức cung tiền thực tế là $M_1 = 440$ tỷ USD.

- Xác định mức lãi suất cân bằng và vẽ đồ thị của thị trường tiền tệ.
- Giả sử thu nhập giảm 50 tỷ USD, xác định mức lãi suất cân bằng mới. Hãy mô tả sự biến động này trên đồ thị của thị trường tiền tệ.
- Nếu NHTW muốn mức lãi suất là $4,5\%$ thì mức cung tiền thực tế là bao nhiêu?

Ví dụ 13: Giả sử có số liệu sau:

- Lượng tiền giao dịch $M_1 = 81000$ tỷ đồng .
- Tỷ lệ tiền mặt trong lưu thông so với tiền gửi là $0,5$.
- Các NHTM thực hiện đúng yêu cầu về dự trữ bắt buộc do NHTW đề ra .
- Số nhân tiền mở rộng bằng 2 .

- Tính lượng tiền cơ sở ban đầu.
- Tỷ lệ dự trữ bắt buộc là bao nhiêu?
- Tính lượng tiền mặt trong lưu thông và lượng tiền gửi được tạo ra trong hệ thống ngân hàng thương mại.

Ví dụ 14 : Cho số liệu của thị trường tiền tệ như sau:

Hệ số ưa thích tiền mặt: $s = 0,25$;

Tỷ lệ dự trữ: $ra = 0,15$;

Tiền cơ sở: $H = 2100$ (nghìn tỷ đồng). Chỉ số giá $P = 1$.

Hàm cầu tiền là: $LP = 6Y - 10r$.

- Hãy tính mức cung tiền danh nghĩa trong nền kinh tế?
- Tính lượng tiền mặt (M_0) và tiền gửi (D)?
- Tính lãi suất cân bằng của thị trường tiền tệ, biết rằng sản lượng $Y = 1100$ (nghìn tỷ đồng)?
- Nếu đồng thời sản lượng tăng thêm 10 nghìn tỷ đồng, và ngân hàng trung ương phát hành thêm tiền cơ sở là 10 nghìn tỷ đồng thì lãi suất cân bằng thay đổi thế nào? Minh họa bằng đồ thị

4. Dạng bài tập chương 5

Ví dụ 15: Giả sử hàm tiêu dùng là $C = 100 + 0,75Y_D$, hàm đầu tư là $I = 150 - 10r$, hàm chi tiêu của chính phủ là $G = 50$, hàm thuế của chính phủ là $T = 10 + 0,1Y$, và hàm xuất khẩu ròng là $NX = 40 - 0,2Y$, và giả sử các yếu tố khác không đổi.

- Viết phương trình và vẽ đồ thị đường IS.
- Nếu chi tiêu của chính phủ tăng thêm 60 thì đường IS có còn ở vị trí cũ không?
- Nếu chính phủ không thay đổi chi tiêu mà giảm thuế và hàm thuế trở thành $T = 10 + 0,05Y$, đường IS sẽ thay đổi như thế nào?
- Bây giờ nhu cầu đầu tư nhạy cảm hơn đối với lãi suất và hàm đầu tư trở thành $I = 150 - 20r$. Hãy viết phương trình của đường IS mới. Bạn có nhận xét gì về độ dốc của đường IS mới.
- Hãy cho biết với giả định nào thì đường IS (vẽ trong câu a) sẽ thẳng đứng? với giả định nào đường IS nằm ngang?

Ví dụ 16: Giả sử thị trường tiền tệ được cho bởi các thông số sau: (Lãi suất thực tế r tính bằng %, các chỉ tiêu khác tính bằng tỷ USD)

Hàm cầu tiền $LP = 250 + 5Y - 50r$; cung tiền $MS = 800$, $P = 1$.

- Viết phương trình biểu diễn đường LM.
- Nếu ngân hàng trung ương muốn duy trì mức lãi suất là 5% thì cần mức thu nhập (sản lượng) là bao nhiêu?
- Nếu ngân hàng trung ương giảm cung tiền $MS = 250$ thì đường LM thay đổi như thế nào? Minh họa trên đồ thị.
- Nếu ngân hàng trung ương không thay đổi cung tiền mà hàm cầu tiền được xác định lại là $LP = 250 + 3Y - 25r$, cho nhận xét về độ dốc của đường LM mới và minh họa trên đồ thị.

Ví dụ 17: Giả sử các số liệu sau đây mô tả hoạt động của thị trường hàng hóa và tiền tệ trong nền kinh tế đóng có giá cả cố định $\bar{C} = 700$; $\bar{I} = 380$; $MPC = 0,8$, $\bar{G} = 450$; $t = 0,2$; độ nhạy cảm của lãi suất so với đầu tư $d = 9$; độ nhạy cảm của thu nhập với cầu tiền $k = 0,2$; $MS_{\text{định nghĩa}} = 700$; độ nhạy cảm của lãi suất với cầu tiền $h = 7$; chỉ số giá $P = 1$.

- Hãy viết phương trình của các đường IS, LM, và xác định mức thu nhập, lãi suất cân bằng đồng thời trên cả hai thị trường hàng hóa và tiền tệ.
- Hãy tính mức tiêu dùng, tiết kiệm, đầu tư và mức thâm hụt (hoặc thặng dư) ngân sách của chính phủ tại mức thu nhập cân bằng.
- Hãy sử dụng phương pháp ngắn nhất để kiểm tra lại kết quả tính toán ở các câu trên.

Ví dụ 18: Thị trường hàng hóa và tiền tệ của một nền kinh tế mở được biểu diễn bằng các hàm số sau, giả sử các yếu tố khác là không đổi:

$C = 50 + 0,8Y_D$; $T = 0,2Y$; $I = 200 - 10r$; $G = 200$; $X = 120$; $IM = 20 + 0,04Y$;
 $LP = 0,2Y - 8r$; $MS = 100$; $P = 1$.

- Viết phương trình và vẽ đồ thị các đường IS, LM.
- Xác định mức thu nhập và lãi suất cân bằng trên thị trường hàng hóa và thị trường tiền tệ.

- c. Giả sử chi tiêu Chính phủ về hàng hóa tăng thêm 75 tỷ. Xác định mức thu nhập và lãi suất cân bằng mới. Có nhận xét gì về tác động của chính sách tài khóa này?
- d. Để đảm bảo yêu cầu giảm thoái lui đầu tư, giữ cho mức lãi suất không đổi ở trạng thái ban đầu thì trong trường hợp này cần sử dụng chính sách tiền tệ như thế nào? Tính sự thay đổi về mức cung tiền.

5. Dạng bài tập chương 6

Ví dụ 19: Cho mô hình Phillips ở hình bên

Với $gp_1 = 6\%$; $u_1 = 1\%$; $u_2 = u^* = 2\%$

- a. Viết phương trình đường PC_0
- b. Viết phương trình xác định vị trí đường Phillips mới nếu dự đoán trong năm tới lạm phát vẫn tăng 6%.
- c. Tỷ lệ lạm phát là bao nhiêu nếu Chính phủ muốn giữ tỷ lệ thất nghiệp là 2,5%.

